

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành **Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai làm hư hỏng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Sơn La (đợt mưa, lũ từ ngày 11/7/2023 đến ngày 10/8/2023)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21/3/2017 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động ứng phó, sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT ngày 11/01/2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định về phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ; Thông tư số 43/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT ngày 11/01/2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định về phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 1499/QĐ-UBND ngày 13/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai để ứng phó với mưa, lũ làm ảnh hưởng, hư hỏng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh (từ ngày 11/7/2023 đến ngày 10/8/2023);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 2666/TTr-SGTVT ngày 30 tháng 8 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp với nội dung sau:

1. Tên công trình: Khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông bước 1 hệ thống đường tỉnh (ĐT.101, ĐT.102, ĐT.103, ĐT.105, ĐT.105A, ĐT.106, ĐT.107, ĐT.108, ĐT.109, ĐT.110, ĐT.111, ĐT.112, ĐT.113, ĐT.114, ĐT.115, ĐT.116, ĐT.117) trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Địa điểm: Thuộc địa bàn các huyện Vân Hồ, Mộc Châu, Yên Châu, Mai Sơn, Thuận Châu, Quỳnh Nhai, Mường La, Sông Mã, Sốp Cộp, Phù Yên, Bắc Yên, thành phố Sơn La.

3. Chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải Sơn La.

4. Mục đích đầu tư xây dựng: Khắc cấp khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông bước 1 hệ thống đường tỉnh (ĐT.101, ĐT.102, ĐT.103, ĐT.105, ĐT.105A, ĐT.106, ĐT.107, ĐT.108, ĐT.109, ĐT.110, ĐT.111, ĐT.112, ĐT.113, ĐT.114, ĐT.115, ĐT.116, ĐT.117) trên địa bàn tỉnh Sơn La do ảnh hưởng của các đợt mưa, lũ từ ngày 11/7/2023 đến ngày 10/8/2023.

5. Sơ bộ quy mô sửa chữa, khắc phục công trình và các yêu cầu đối với công trình

5.1. Đối với khối lượng đất, bùn, đá trôi tràn lên mặt đường, lề đường, bồi lấp làm tắc cống thoát nước: Tiến hành hút dọn vận chuyển sang ngang hoặc xúc lên phương tiện vận chuyển đến bãi đổ đúng quy định;

5.2. Với khối lượng đá tảng có kích thước lớn: Sử dụng máy đào có gắn búa thủy lực để phá, vận chuyển sang ngang hoặc xúc lên phương tiện vận chuyển đến bãi đổ đúng quy định;

5.3. Các vị trí sạt lở ta luy âm: Tùy theo điều kiện địa hình thực tế vị trí sạt lở, xử lý bằng giải pháp đắp lại và đầm chặt hoặc bằng kè rọ thép nhồi đá hộc hoặc bằng kè BTCT (chân khay bằng bê tông M200; mái ta luy bằng bê tông lưới thép M200);

5.4. Các vị trí hư hỏng móng, mặt đường, xói lở lề đường: Tùy theo điều kiện địa hình thực tế đoạn tuyến tiến hành hoàn trả mặt đường láng nhựa hoặc bằng BTXM, trường hợp cần thiết bổ sung rãnh dọc bằng BTXM, BTCT đảm bảo khả năng thoát nước; các vị trí lề đường bị xói lở tiến hành đắp hoàn trả bằng vật liệu tại chỗ hoặc cấp phối đá dăm, đá thải. Một số vị trí móng, mặt đường cần tiếp tục theo dõi diễn biến thời tiết, địa chất xử lý đảm bảo giao thông bằng vật liệu tại chỗ hoặc cấp phối đá dăm, đá thải;

5.5. Các vị trí hư hỏng thượng, hạ lưu cống hoặc lòng cầu, tứ nón cầu: Tùy theo vị trí và địa hình thực tế để áp dụng giải pháp khắc phục phù hợp (sử dụng kè rọ thép; hoàn trả bằng kết cấu hiện trạng, bê tông hoặc bê tông cốt thép ...);

5.6. Các vị trí hư hỏng rãnh dọc bằng BTXM, đá xây, gạch xây: Tùy theo điều kiện thực tế tiến hành sửa chữa, khôi phục đoạn rãnh bằng BTXM lắp ghép kết hợp BTXM đổ tại chỗ, bằng đá xây hoặc gạch xây cho phù hợp.

5.7. Khối lượng dự kiến thực hiện: Chi tiết theo phụ lục đính kèm.

6. Dự kiến kinh phí: **15.543,960** triệu đồng.

7. Nguồn vốn thực hiện: Sự nghiệp chi hoạt động kinh tế đường bộ (Ngân sách Nhà nước).

8. Thời gian thực hiện: Thi công hoàn thành trước 31 tháng 10 năm 2023.

Điều 2. Sở Giao thông vận tải chỉ đạo, đôn đốc đơn vị thi công khẩn trương triển khai thi công công trình khắc phục hậu quả thiên tai theo phương án được phê duyệt, hoàn thành công trình đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, an toàn; tổ chức rà soát, thẩm định khối lượng thi công, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ hoàn thành hạng mục công trình theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh;
- Ban ATGT tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KT(Toàn).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Hồng Minh

PHỤ LỤC KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

1. ĐT.101

- Đào, hút dọn đất, đá sạt lở ta luy dương, sa bồi đất, bùn, đá trôi tràn lên mặt đường, lề đường, rãnh dọc, bồi lấp tắc cống thoát nước, khối lượng hút dọn dự tính: 362m³; vận chuyển đất, đá đến vị trí bãi đổ đã được thống nhất, khối lượng dự tính: 362m³.

2. ĐT.102

- Đào, hút dọn đất, đá sạt lở ta luy dương, sa bồi đất, bùn, đá trôi tràn lên mặt đường, lề đường, rãnh dọc, bồi lấp tắc cống thoát nước, khối lượng hút dọn dự tính: 524m³; phá và hút dọn sạt lở đá từ ta luy dương rơi xuống lòng, lề đường bằng máy đào gắn búa thủy lực, khối lượng dự tính: 20m³; vận chuyển đất, đá đến vị trí bãi đổ đã được thống nhất, khối lượng dự tính: 544m³.

3. ĐT.103

- Đào, hút dọn đất, đá sạt lở ta luy dương, sa bồi đất, bùn, đá trôi tràn lên mặt đường, lề đường, rãnh dọc, bồi lấp tắc cống thoát nước, khối lượng hút dọn dự tính: 800m³; vận chuyển đất, đá đến vị trí bãi đổ đã được thống nhất, khối lượng dự tính: 800m³;

- Sửa chữa hư hỏng rãnh BTXM lấp ghép: Tại các vị trí Km0+070 - Km0+077, Km3+050 - Km3+096, Km4+135 - Km4+155 rãnh dọc BTXM lấp ghép bị xói lở hư hỏng, tổng chiều dài dự tính 73m. Cho phép sửa chữa khôi phục rãnh dọc bằng BTXM M200 lấp ghép;

- Đoạn tuyến từ Km1+300 - Km1+600 bị xói lở, hư hỏng lề đường tại 03 vị trí. Cho phép khắc phục đắp hoàn trả lề đường bằng cấp phối đồi, cấp phối sỏi hoặc đá thải, khối lượng dự tính 11m³.

4. ĐT.105

- Đào, hút dọn đất, đá sạt lở ta luy dương, sa bồi đất, bùn, đá trôi tràn lên mặt đường, lề đường, rãnh dọc, bồi lấp tắc cống thoát nước, khối lượng hút dọn dự tính: 4.706m³; vận chuyển đất, đá đến vị trí bãi đổ đã được thống nhất, khối lượng dự tính: 4.706m³;

- Đoạn tuyến từ Km53+850-Km53+880 bị xói lở, hư hỏng lề đường tại 01 vị trí. Cho phép khắc phục đắp hoàn trả lề đường bằng cấp phối đồi, cấp phối sỏi hoặc đá thải, khối lượng dự tính 18m³;

- Đoạn tuyến từ Km56+080 - Km59+420 mặt đường đất bị sinh lún tại 10 vị trí. Cho phép khắc phục đắp cấp phối sỏi hoặc đá thải để đảm bảo giao thông êm thuận, khối lượng dự tính 602m³.

5. ĐT.105A

- Đào, hút dọn đất, đá sạt lở ta luy dương, sa bồi đất, bùn, đá trôi tràn lên mặt đường, lề đường, rãnh dọc, bồi lấp tắc cống thoát nước, khối lượng hút dọn

dự tính: 5.937m^3 ; vận chuyển đất, đá đến vị trí bãi đổ đã được thông nhất, khối lượng dự tính: 5.937m^3 .

6. ĐT.106

- Đào, hút dọn đất, đá sạt lở ta luy dương, sa bồi đất, bùn, đá trôi tràn lên mặt đường, lề đường, rãnh dọc, bồi lấp tắc cống thoát nước, khối lượng hút dọn dự tính: $47.745,37\text{m}^3$; phá và hút dọn sạt lở đá từ ta luy dương rơi xuống lòng, lề đường bằng máy đào gắn búa thủy lực, khối lượng dự tính: 416m^3 ; vận chuyển đất, đá đến vị trí bãi đổ đã được thông nhất, khối lượng dự tính: $48.161,37\text{m}^3$;

- Ta luy âm tại các vị trí Km22+550 - Km22+582, Km25+680 - Km25+700, Km31+708 - Km31+721, Km33+820 - Km33+827, Km35+900 - Km35+906, Km39+080 - Km39+095 bị xói lở, hư hỏng chiều dài dự tính 101m. Cho phép xử lý bằng kè rọ thép nhồi đá hoặc bằng ốp mái BTXM gia cố lưới thép cho phù hợp địa hình, đảm bảo an toàn, tiết kiệm kinh phí;

- Ta luy âm tại vị trí Km25+870 - Km25+900 bị sạt lở, xói trôi toàn bộ nền đường chiều dài 30m và 01 cống đường kính 1.0m. Cho phép chỉnh tuyến vào ta luy dương, khôi phục lại 01 cống đường kính 1.0m, bổ sung rãnh dọc bằng BTXM M200 lắp ghép, khôi phục mặt đường đá dăm láng nhựa;

- Ta luy âm tại vị trí Km33+187 - Km33+215 bị xói lở, hư hỏng chiều dài dự tính 28m. Cho phép đào mở rộng nền đường vào phía taluy dương để đảm bảo phần xe chạy; gia cố rãnh bằng BTXM M200 lắp ghép để ngắt nước, đảm bảo ổn định nền đường;

- Ta luy âm tại các vị trí Km30+390 - Km30+438, Km50+277 - Km50+318 bị xói lở, hư hỏng chiều dài dự tính 89m. Cho phép đào mở rộng nền đường vào phía taluy dương để đảm bảo phần xe chạy;

- Ta luy âm tại vị trí Km34+900 - Km34+982 bị xói lở chiều dài dự tính 82m, hư hỏng kè ốp mái cũ chiều dài dự tính 41m. Cho phép đào mở rộng nền đường vào phía taluy dương để đảm bảo phần xe chạy; gia cố rãnh bằng BTXM M200 lắp ghép để ngắt nước, đảm bảo ổn định nền đường;

- Ta luy âm tại vị trí Km39+230 - Km39+249 bị xói lở chiều dài dự tính 19m, lún kè rọ thép cũ. Cho phép đắp đất hoàn trả nền đường, tiếp tục theo dõi lún;

- Sửa chữa hư hỏng cống: Tại các vị trí cống Km20+320, Km21+990, Km22+820, Km33+831 hư hỏng hố tụ, tường đầu, tường cánh, sân cống, chân khay, bậc tiêu năng, ốp mái. Cho phép sửa chữa và khôi phục lại như hiện trạng cống bằng đá xây và BTXM;

- Sửa chữa hư hỏng rãnh đá xây: Tại các vị trí Km39+590 - Km39+780, Km39+810 - Km39+840, Km43+150 - Km43+162 rãnh dọc đá xây bị xói lở hư hỏng, tổng chiều dài dự tính 232m. Đề xuất sửa chữa khôi phục rãnh dọc bằng đá xây hoặc BTXM M200;

- Sửa chữa hư hỏng cầu: Tại vị trí cầu Km20+550, Km24+940, Km31+340, Km33+650, Km46+840 bị hư hỏng tứ nón, lún sụt đường đầu cầu.

Cho phép sửa chữa khôi phục tứ nón bằng BTXM gia cố lưới thép, khôi phục mặt đường đầu cầu bằng đá dăm láng nhựa.

7. ĐT.107

Đào, hút dọn đất, đá sạt lở ta luy dương, sa bồi đất, bùn, đá trôi tràn lên mặt đường, lề đường, rãnh dọc, bồi lấp tắc cống thoát nước, khối lượng hút dọn dự tính: 916m^3 ; vận chuyển đất, đá đến vị trí bãi đổ đã được thống nhất, khối lượng dự tính: 916m^3 .

8. ĐT.108

- Đào, hút dọn đất, đá sạt lở ta luy dương, sa bồi đất, bùn, đá trôi tràn lên mặt đường, lề đường, rãnh dọc, bồi lấp tắc cống thoát nước, khối lượng hút dọn dự tính: 3.136m^3 ; vận chuyển đất, đá đến vị trí bãi đổ đã được thống nhất, khối lượng dự tính: 3.136m^3 ;

- Đoạn tuyến từ Km0+300 - Km1+470 (Thuận Châu - Mường Bám) lề đường yếu, lún võng gây hư hỏng rãnh BTXM tại 04 vị trí. Cho phép gia cố lề đường bằng BTXM, khối lượng dự tính 90m^3 ;

- Sửa chữa hư hỏng cống: Tại các vị trí cống Km26+160, Km29+170, Km29+715, Km31+470, Km54+710 (Thuận Châu - Mường Bám), Km9+250 (Co Mạ - Bó Sinh) hư hỏng gờ chắn bánh xe, sân cống, chân khay, ốp mái. Cho phép sửa chữa và khôi phục lại như hiện trạng cống bằng đá xây và BTXM; bổ sung nối dài 2m cống và thay thế 01 tấm bản cống Km9+520 (Co Mạ - Bó Sinh);

- Sửa chữa hư hỏng rãnh BTXM lấp ghép: Tại các vị trí Km0+300 - Km0+550, Km1+020 - Km1+130, Km1+150 - Km1+170, Km1+400 - Km1+470 (Thuận Châu - Mường Bám) rãnh dọc BTXM lấp ghép bị xói lở hư hỏng, tổng chiều dài dự tính 450m. Cho phép sửa chữa khôi phục rãnh dọc bằng BTXM M200.

9. ĐT.109

- Đào, hút dọn đất, đá sạt lở ta luy dương, sa bồi đất, bùn, đá trôi tràn lên mặt đường, lề đường, rãnh dọc, bồi lấp tắc cống thoát nước, khối lượng hút dọn dự tính: 2.521m^3 ; vận chuyển đất, đá đến vị trí bãi đổ đã được thống nhất, khối lượng dự tính: 2.521m^3 ;

- Sửa chữa hư hỏng cống: Tại vị trí cống Km14+980 hư hỏng hồ tụ, tường đầu, tường cánh, sân cống hạ lưu. Cho phép sửa chữa và khôi phục lại như hiện trạng cống bằng đá xây và BTXM;

- Ta luy âm tại vị trí Km28+850 - Km28+860 bị xói lở, hư hỏng chiều dài dự tính 10m. Cho phép xử lý bằng kê rọ thép nhồi đá hộc hoặc bằng ốp mái BTXM gia cố lưới thép cho phù hợp địa hình, đảm bảo an toàn, tiết kiệm kinh phí;

- Mặt đường tại vị trí Km11+750 - Km11+775 bị nứt gãy, có nguy cơ sụt trượt. Cho phép xử lý bằng rãnh xương cá, khối lượng dự tính: 10m.

10. ĐT.110

- Đào, hút dọn đất, đá sạt lở ta luy dương, sa bồi đất, bùn, đá trôi tràn lên mặt đường, lề đường, rãnh dọc, bồi lấp tắc cống thoát nước, khối lượng hút dọn

dự tính: 2.744m^3 ; vận chuyển đất, đá đến vị trí bãi đổ đã được thông nhất, khối lượng dự tính: 2.744m^3 ;

- Ta luy âm tại vị trí Km5+670 - Km5+677 (Hát Lót - Mừng Bú) bị xói lở, hư hỏng chiều dài dự tính 7m. Cho phép xử lý bằng kè rọ thép nhồi đá hộc hoặc bằng ốp mái BTXM gia cố lưới thép cho phù hợp địa hình, đảm bảo an toàn, tiết kiệm kinh phí.

11. ĐT.111

- Đào, hút dọn đất, đá sạt lở ta luy dương, sa bồi đất, bùn, đá trôi tràn lên mặt đường, lề đường, rãnh dọc, bồi lấp tắc cống thoát nước, khối lượng hút dọn dự tính: 5.574m^3 ; vận chuyển đất, đá đến vị trí bãi đổ đã được thông nhất, khối lượng dự tính: 5.574m^3 ;

- Sửa chữa hư hỏng công trình: Tại các vị trí cống Km76+450, Km77+540, Km78+330, Km79+695, Km79+810, Km80+790 hư hỏng ốp mái, hộ lan, tường cánh, sân cống hạ lưu. Cho phép sửa chữa và khôi phục lại như hiện trạng công bằng đá xây và BTXM.

12. ĐT.112

Đào, hút dọn đất, đá sạt lở ta luy dương, sa bồi đất, bùn, đá trôi tràn lên mặt đường, lề đường, rãnh dọc, bồi lấp tắc cống thoát nước, khối lượng hút dọn dự tính: 467m^3 ; vận chuyển đất, đá đến vị trí bãi đổ đã được thông nhất, khối lượng khoảng: 467m^3 .

13. ĐT.113

- Đào, hút dọn đất, đá sạt lở ta luy dương, sa bồi đất, bùn, đá trôi tràn lên mặt đường, lề đường, rãnh dọc, bồi lấp tắc cống thoát nước, khối lượng hút dọn dự tính: 324m^3 ; vận chuyển đất, đá đến vị trí bãi đổ đã được thông nhất, khối lượng khoảng: 324m^3 ;

- Ta luy âm tại vị trí Km5+875 - Km5+900 bị xói lở, hư hỏng chiều dài dự tính 25m. Cho phép xử lý bằng kè rọ thép nhồi đá hộc hoặc bằng ốp mái BTXM gia cố lưới thép cho phù hợp địa hình, đảm bảo an toàn, tiết kiệm kinh phí;

- Đoạn tuyến từ Km55+980 - Km56+010 bị xói lở, hư hỏng lề đường tại 16 vị trí, hư hỏng rãnh BTXM 24 vị trí, chiều dài dự tính 507m. Cho phép khắc phục gia cố lề đường bằng đá hộc khối lượng dự tính 55m^3 , đắp hoàn trả lề đường bằng cấp phối đồi, cấp phối suối hoặc đá thải, khối lượng dự tính 11m^3 ; sửa chữa khôi phục rãnh dọc bằng đá xây hoặc BTXM M200;

- Sửa chữa hư hỏng cống: Tại các vị trí cống Km44+982, Km82+420 hư hỏng sân cống, tường cánh, sân gia cố. Cho phép sửa chữa và khôi phục lại như hiện trạng công bằng đá xây và BTXM; gia cố hạ lưu bằng rọ thép nhồi đá hộc KT(2x1x1)m.

14. ĐT.114

- Đào, hút dọn đất, đá sạt lở ta luy dương, sa bồi đất, bùn, đá trôi tràn lên mặt đường, lề đường, rãnh dọc, bồi lấp tắc cống thoát nước, khối lượng hút dọn

dự tính: 2.430m^3 ; phá và hót dọn sạt lở đá từ ta luy dương rơi xuống lòng, lề đường bằng máy đào gắn búa thủy lực, khối lượng dự tính: 60m^3 ; vận chuyển đất, đá đến vị trí bãi đổ đã được thống nhất, khối lượng dự tính: 2.490m^3 ;

- Tại các vị trí Km37+170 và Km52+950 (Tân Lang - Huy Hạ) ta luy dương thường xuyên bị sạt lở, gây tắc đường cục bộ. Bố trí máy trực đảm bảo giao thông thường xuyên, khối lượng ca máy 02 ca.

15. ĐT.115

Đào, hót dọn đất, đá sạt lở ta luy dương, sa bồi đất, bùn, đá trôi tràn lên mặt đường, lề đường, rãnh dọc, bồi lấp tắc cống thoát nước, khối lượng hót dọn dự tính: 413m^3 ; vận chuyển đất, đá đến vị trí bãi đổ đã được thống nhất, khối lượng dự tính: 413m^3 .

16. ĐT.116

Đào, hót dọn đất, đá sạt lở ta luy dương, sa bồi đất, bùn, đá trôi tràn lên mặt đường, lề đường, rãnh dọc, bồi lấp tắc cống thoát nước, khối lượng hót dọn dự tính: 3.513m^3 ; phá và hót dọn sạt lở đá từ ta luy dương rơi xuống lòng, lề đường bằng máy đào gắn búa thủy lực, khối lượng dự tính: 69m^3 ; vận chuyển đất, đá đến vị trí bãi đổ đã được thống nhất, khối lượng dự tính: 3.582m^3 .

17. ĐT.117

- Đào, hót dọn đất, đá sạt lở ta luy dương, sa bồi đất, bùn, đá trôi tràn lên mặt đường, lề đường, rãnh dọc, bồi lấp tắc cống thoát nước, khối lượng hót dọn dự tính: 2.897m^3 ; phá và hót dọn sạt lở đá từ ta luy dương rơi xuống lòng, lề đường bằng máy đào gắn búa thủy lực, khối lượng dự tính: 5m^3 ; vận chuyển đất, đá đến vị trí bãi đổ đã được thống nhất, khối lượng dự tính: 2.902m^3 ;

- Đoạn tuyến từ Km7+040 - Km18+600 (Bản Mòng - Mường Chanh) và đoạn Km0+520 - Km9+130 (Mường Chanh - Chiềng Ban) bị xói lở, hư hỏng lề đường tại 10 vị trí. Cho phép khắc phục đắp hoàn trả lề đường bằng cấp phối đồi, cấp phối suối hoặc đá thải, khối lượng dự tính $63,7\text{m}^3$;

- Sửa chữa hư hỏng cống: Tại các vị trí cống Km10+880, Km13+120, Km14+330 (Bản Mòng - Mường Chanh) hư hỏng hộ lan, sân cống, tường cánh, chân khay hạ lưu. Cho phép sửa chữa và khôi phục lại như hiện trạng cống bằng đá xây và BTXM;

- Đoạn tuyến từ Km8+700 - Km9+185 (Chiềng Bôm - Mường É) mặt đường đất bị lún võng tại 06 vị trí. Cho phép khắc phục đắp cấp phối suối hoặc đá thải để đảm bảo giao thông êm thuận, khối lượng dự tính 875m^3 ./.